**Những điều cần biết để viết Ielts Writing Task 1**

Trong khoảng thời gian 20 phút với lượng từ phải viết ít nhất 150 từ, thầy thường khuyên học viên của mình viết bài IELTS WRITING TASK 1 thành 4 đoạn: mở bài (introduction), câu tổng quan (overview) và hai đoạn thân bài (bodies). Dưới đây là hướng dẫn chi tiết cách viết từng đoạn trong bài thi IELTS WRITING TASK 1.

1. **Hướng dẫn các bước đơn giản viết biểu đồ dạng Bar chart, Pie chart, Line graph và Table.**
2. **Cách viết mở bài (introduction)**

* Để viết được phần introduction các em cần lưu ý những những điều sau:
* Mục đích của phần introduction là tóm tắt và lựa chọn những thông tin chính của biểu đồ. Do đó, các chi tiết cụ thể (như số liệu) là không cần thiết phải đề cập ở đây.
* Cách viết Introduction rất đơn giản, các em chỉ cần sử dụng ngôn từ của mình diễn đạt lại (paraphrase) câu giới thiệu biểu đồ của bài miễn là introduction đảm bảo nói lên được thông tin chính của biểu đồ ( biểu đồ nói về cái gì (what), ở đâu (where) và khi nào (when) và hạn chế sử dụng lặp lại các từ của đề bài.

Ví dụ:

Câu đề bài là: The table below shows the proportion of different categories of families living in poverty in Australia in 1999.



(source: Cambridge IELTS 4, page 31)

Câu introduction có thể viết thành:

1) The table compares and contrasts data on percentages of Australians from six different family types who were regarded as poor in 1999.

2) The table shows information about poverty rates among six types of household in Australia in the year 1999.

3) The table compares different categories of Australian families when it comes to the proportion of people living below the poverty line in each one.

* Những cụm từ thông dụng để viết introduction:

***- The bar chart/ line graph/ table/ pie chart ...........***

***- shows/ indicates/ illustrates/ reveals/ represents data/ information on / about …***

***- compares and contrasts information/ data on/ about the changes in/ differences in …***

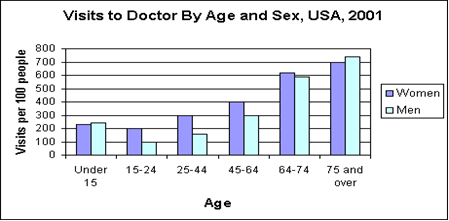
1. **Cách viết câu tổng quan (overview)**

Để viết được câu tổng quan (hay còn gọi là overview hoặc general statement), các em quan sát kỹ biểu đồ và tìm ra hai đặc điểm sau:

* Xu hướng chung của các dữ lieeujtreen biểu đồ (nếu có)
* Số liệu lớn nhất và nhỏ nhất trên biểu đồ.

Sau đó các em viết 2 đến 3 câu diễn tả hai ý trên (xu hướng chung và số liệu lớn nhất hoặc nhỏ nhất)

Ví dụ:



Nhìn vào biểu đồ, chúng ta thấy số lượt khám bác sỹ của nữ cao hơn nam. Nhóm tuổi 75 và trên 75 đến khám bác sĩ nhiều nhất trong khi đó nhóm tuổi 15 -24 đến khám bác sỹ ít nhất. Từ những thông tin trên, câu tổng quan được viết là:

It is clear from the chart that the number of appointments females had with the doctor outnumbered that for males. By contrast, both genders in the 75 and over age group paid the most visits to the physicians although the figures for visits of the two sexes to the doctor’s in the age group of 15 – 24 accounted for the lowest.

**Những cụm từ thông dụng để viết mở đầu cho câu overview :**

***- It is clear / noticeable from the chart / graph/ table that…***

***- As can be seen from the chart / graph/ table, …***

***- As the chart/ table/ graph shows, …***

***- As is shown from the graph/ table, ...***

***- As is illustrated by the graph/ table, ...***

***- It can be seen from the table/ chart/ graph that...***

***- From the graph/ table, it is clear that...***

***- In general/ overall, ...***

1. **Hướng dẫn chung cách viết thân bài cho Ielts writing task 1:**

Trước khi viết phần thân bài, các em phải chắc chắn hiểu được biểu đồ. Từ đó các em nhóm thông tin sao cho hợp lý và logic thành hai đoạn. Khi viết body các em lưu ý:

- Một câu trong body phải đảm bảo đề cập đến các chi tiết của biểu đồ: xu hướng, số lượng và thời gian.

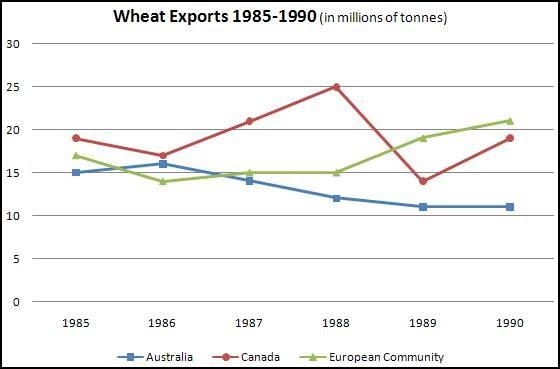
- Các thông tin trong bài phải được nhóm lại và so sánh với nhau.

- Sử dụng đa dạng từ vựng và phong phú các cấu trúc ngữ pháp .

**3.1 Những lưu ý khi viết thân bài cho bài Line Graphs**

Line graphs luôn miêu tả số liệu thay đổi theo thời gian. Các em nghiên cứu các lưu ý dưới đây trước khi viết thân bài.

* Phân chia biểu đồ đường theo từng giai đoạn ( tùy thuộc vào từng loai biểu đồ). Sau đó viết câu miêu tả điểm đầu và so sánh với các điểm đầu khác.
* Các câu tiếp theo miêu tả xu hướng của biểu đồ theo từng giai đoạn đến năm cuối cùng trên biểu đồ.



E.g. Nhìn vào biểu đồ, các em có thể chia biểu đồ theo các giai đoạn như sau

( đây chỉ là một cách tham khảo)

**Đối với Canada ( đường trên cùng)**

Từ 1985 đến 1986: giảm nhẹ

Từ 1986 đến 1988 : Tăng mạnh

Từ 1988 đến 1989: Giảm mạnh

Từ 1989 đến 1990: Tăng mạnh

**Đối với Australia và EU ( Hai đường còn lại phía dưới)**

Từ 1985 đến 1986: Australia tăng nhẹ còn EU giảm nhẹ

Từ 1986 đến 1989 : Australia giảm nhẹ và không đổi đến năm 1990

Từ 1986 đến 1987: EU tăng nhẹ sau đó không đổi đến năm 1988 trước khi nó tăng mạnh đến năm 1990

* Nếu biểu đồ có nhiều đường, các em không nên miêu tả từng đường riêng biệt, mà phải so sánh chúng với nhau ở từng giai đoạn hoặc thời điểm.
* Nếu biểu đồ hiển thị nhiều năm,các em không cần thiết phải đề cập đến tất cả cá các em đc năm mà các em chú ý miêu tả năm đầu tiên ( miêu tả điểm đầu) , năm cuối vùng ( miêu tả điểm cuối) và một số năm đặc biệt khác ( năm có số lượng cao nhất, thấp nhất, tăng mạnh, giảm mạnh hoặc hai đường cắt nhau ( số lượng bằng nhau tại thời điểm đó))
* Không dùng thể bị động với các từ ( fall, drop, decline, decrease và increase, rise) ( Ví dụ: The number is fallen). Không dùng các thì tiếp diễn ( Ví dụ: the number is rising) và thì hiện tại hoàn thành ( Ví dụ: The number has risen)
* Khi có thời gian trên biểu đồ, khi miêu tả số liệu trong quá khứ, thì các em sử dụng thì quá khứ đơn giản ( Ví dụ: the number increased/ fell). Khi miêu tả số liệu trong tương lai các em sử dụngmột số cách viết sau:

+ *Cách một:*

*Predictions/ Expectations/ Anticipations/ Forcasts/ Estimates/ Evaluations/ Calculations + show/ reveal/ indicate + (that) S will V.*

*E.g. Predictions show that the number of immigrants to Britain will rise slightly in the next five years*

*+ Cách hai:*

*It is + predicted/ expected/ anticipated/ forecast/ estimated/ evaluated/ calculated + that S will V*

*E.g. It is expected that the number of immigrants to Britain will rise slightly in the next five years*

*+ Cách thứ ba:*

*S is/ are + predicted/ expected/ anticipated/ forecast/ estimated/ evaluated/ calculated to V*

*The number of immigrants to Britain is expected to rise slightly in the next five years*

* Sử dụng một số từ để bắt đầu các câu miêu tả cùng xu hướng ( nếu cần): To specify, to be more specific, similarly, likewise.
* Sử dụng một số từ hoặc liên từ để liên kết những câu miêu tả xu hướng đối lập ( nếu cần): However, Nevertheless, By contrast, Nonetheless , while, ahthough
* Sử dụng một số từ để bắt đầu câu miêu tả xu hướng nổi bật ( tăng hoặc giảm đột ngột, số liệu bằng nhau, giao động, chạm đỉnh hoặc chạm đáy) Interestingly, noticeably, strikingly, It is interesting that … , It is striking that…. The interesting point is that …., the striking point is that ….

**3.2 Những lưu ý khi viết thân bài cho bài Bar Charts**

* Đây là dạng biểu đồ cột có thể có thay đổi theo thời gian hoặc không có thay đổi qua thời gian. Mục tiêu chính của dạng bài này sẽ là so sánh – comparison & contrast.
* Nếu số liệu trong bài có thay đổi theo thời gian, các em có thể miêu tả xu hướng tăng ,giảm trong khoảng thời gian xác định nhưng vẫn phải so sánh các số liệu trong cùng một năm hoặc cùng giai đoạn thời gian với nhau.
* Trong một bài biểu đồ dạng Bar Charts sẽ có 2 trục so sánh: so sánh giữa các categories như A, B, C… và so sánh giữa các nhóm đối tượng như X ,Y,Z…
* Các em lưu ý rằng mỗi trục so sánh sẽ đóng vai trò khác nhau trong bài viết.
* So sánh giữa X & Y luôn là trục so sánh chính (phần so sánh này được sử dụng làm căn cứ để nhóm thông tin trong bài, ví dụ như việc chia khổ thân bài ra làm 3 đoạn với các categories có X lớn hơn Y, X nhỏ hơn Y và X bằng Y). Khi người viết đưa ra số liệu của X làm ví dụ, thường đi kèm sẽ là số liệu của Y hoặc các em so sánh giá trị tương ứng của X và giá trị tương ứng của Y.
* Khi các em so sánh giữa các đối tượng so sánh như A, B, C… thì đối tượng so sánh có chứa giá trị lớn nhất sẽ được miêu tả đầu tiên, sau đó đến giá trị lớn thứ hai,….đến giá trị nhỏ nhất. Lưu ý: Các đối tượng so sánh có giá trị tương đối giống nhau sẽ được nhóm chung khi mô tả.
* Sắp xếp và miêu tả thông tin thành hai đoạn thân bài một cách logic và mạch lạc ( các em lưu ý chỉ ra điểm đặc biệt ở thân bài, đó là khi các số liệu của các đối tượng so sánh cau gấp hai, ba ,bốn lần nhau hoặc số liệu bằng nhau. Sử dụng một số cụm từ như: Interestingly, noticeably, strikingly, It is interesting that … , It is striking that…. The interesting point is that …., the striking point is that ….

**3.3. Những lưu ý khi viết thân bài cho bài Pie Charts**

* Thông thường, khi chỉ có 1 biểu đồ tròn, chúng ta sẽ sắp xếp thông tin và miêu tả từ lớn nhất đến nhỏ dần .
* Tuy nhiên, khi có 2 biểu đồ tròn với cùng đối tượng và khác thời gian, trọng tâm của bài này là miêu tả số liệu thay đổi theo thời gian – sự thay đổi của các đối tượng. Các em làm theo các bước đơn giản sau đây để miêu tả và so sánh :

+ Đánh dấu các đối tượng so sánh trên biểu đồ số hai bằng mũi tên lên, xuống hoặc không thay đổi (so sánh với % tương ứng tại thời điểm đầu)

+ Chia các đối tượng so sánh theo từng nhóm tăng, giảm, và không thay đổi về % (tỷ trọng)

+ Sắp xếp và miêu tả thông tin thành hai đoạn thân bài một cách logic và mạch lạc ( các em lưu ý chỉ ra điểm đặc biệt ở phần thân bài , đó là khi các số liệu của các đối tượng so sánh tăng gấp hai, ba ,bốn lần nhau hoặc số liệu bằng nhau. Sử dụng một số cụm từ như: Interestingly, noticeably, strikingly, It is interesting that … , It is striking that…. The interesting point is that …., the striking point is that ….

**3.4. Những lưu ý khi viết thân bài cho bài Tables**

* Sau khi đọc kỹ bảng số liệu, các em đánh dấu những số liệu nổi bật trong bảng ( theo cột hàng ngang hoặc dọc). Nếu số liệu trong bảng có sự thay đổi theo thời gian thì các em đi tìm những thay đổi lớn nhất và nhỏ nhất.Các em có thể nhóm những số liệu có xu hướng khác thành nhóm để so sánh và miêu tả. Nếu số liệu trong bảng không có sự thay đổi theo thời gian, các em tìm số liệu có giá trị cao nhất, cao thứ hai … đến thấp nhất để miêu tả và so sánh.
* Sắp xếp và miêu tả thông tin thành hai đoạn thân bài một cách logic và mạch lạc. Các em có thể nhóm các số liệu của các đối tượng so sánh có giá trị cao nhất vào một nhóm và thấp nhất vào một nhóm . Các em lưu ý chỉ ra điểm đặc biệt ở phần thân bài , đó là khi các số liệu của các đối tượng so sánh tăng gấp hai, ba ,bốn lần nhau hoặc số liệu bằng nhau. Sử dụng một số cụm từ như: Interestingly, noticeably, strikingly, It is interesting that … , It is striking that…. The interesting point is that …., the striking point is that ….
* Sử dụng thì của động từ phù hợp, các em dùng thì quá khứ đơn giản cho những số liệu tương ứng với thời gian trong quá khứ, các em sử dụng Will, is expected/ predicted/ projected likely to V để miêu tả xu hướng tương lai.

1. **Những từ và cụm từ được sử dụng phổ biến trong hầu hết các bài Bar chart, pie chart, line graph và table trong Ielts Writing task 1.**

**4.1. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng tăng.**

To grow/ increase/ rise/ climb (không dùng go up vì informal)

To experience/ to record/ to see a growth / an increase/ a rise/ a climb in...

**4.2. Cụm từ diễn tả xu hướng tiếp tục tăng/ giảm.**

To continue its upward/ downward trend

**4.3. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng giảm**

To decrease/ decline/ fall/ drop

To experience/ to record/ to see a decrease/ a fall/ a drop/ a decline in...

**4.4. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng đạt điểm cao nhất**

To reach/ hit the peak/ highest point of.../ To peak at...

**4.5. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng chạm điểm thấp hất**

To reach/ hit the lowest point/ the bottom/ a trough of. ..

**4.6. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng giữ nguyên** 

To remain/ to stay unchanged/ stable/ consistent/ constant/ the same

To stabilize/ to flatten out/ to level out/ off/ to reach a plateau of/ to maintain the same level/ stand at ....

**4.7. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng dao động**

To fluctuate

To experience/ to record/ to see a fluctuation

**4.8. Cụm từ và từ diễn tả xu hướng giảm rồi tăng trở lại**

To decrease and then bounce back/ pick up/ rally/ recover

**4.9. Cụm từ và từ diễn tả mức độ thay đổi của xu hướng (Degrees of change)**

Nhẹ: slight/ modest/ moderate

Mạnh: dramatic, considerable, sharp, significant, substantial, remarkable, astronomical, enormous, arked

**4.10. Cụm từ và từ diễn tả tốc độ thay đổi (speed of change).**

Đột ngột: abrupt, sudden

Nhanh: rapid, quick

Đều: steady, gradual

Chậm: slow

**4.11.** **Cách sử dụng một số giới từ trong Ielts Writing task 1**

A rise from 1 % to 20% (tăng từ 10% đến 20%)

To increase/ fall by 50% (tăng 50%)

An increase of 7.5% over last year (tăng 7.5% trong suốt năm vừa qua)

To increase/ fall to 75% ( giảm xuống đến 75%)

A rise/ fall in... (tăng lên/ giảm xuống về)

**4.12.** **Các cụm từ diễn tả so sánh gấp**

The number doubled/ trebled/ quadrupled between 1992 and 1994 (gấp đôi, gấp ba, gấp bốn)

There was a two-fold increase between 1992 and 1994 (tăng gấp đôi)

The number went up six-fold between ... and ...

The figure in 1994 was twice/ 3 times/ 4 times the 1992 figure (gấp hai, gấp ba, gấp bốn)

Between 1992 and 1994, the figure fell by one fifth/ a half/ two fifths (giảm một phần năm, một nửa, hai phần năm)

**4.13. Các từ và cụm từ diễn tả chiếm sốn lượng/ phần trăm**

To have/ be/ take/ take up/ account for/ constitute/ occupy/ amount to/ make up

**4.14. Các cụm từ bổ nghĩa cho so sánh hơn**

Nhiều hơn: far, much, considerably, substantially, significantly

Ít hơn: a little, slightly, fractionally (a bit không nên dùng vì informal)

**4.15**. **Các cụm từ đi cùng với các từ chỉ số lượng**

Hơn/ trên: Just under/ well under/ more than

Dưới: just / well under

Khoảng: roughly, approximately, about, nearly, almost, around

**4.16. Các từ và cụm từ diễn tả thời gian**

In/ over the period from... to.../ between... and...

In the first three months of the year

Over a ten-year period

After that, then

Throughout the 19th century

In the early/ mid/ late 1980s

**4.17. Các từ và cụm từ diễn tả số lượng**

The amount of / the quantity of N (danh từ không đếm được)

The number of/ the quantity of / the figures for N (danh từ đếm được)

**4.18. Các cụm từ và từ diễn tả tỷ lệ phần trăm**

The percentage of = the proportion of

**4.19. Các cụm từ khác**

Mỗi năm: Per annum, per year, yearly, annually, on a yearly baiss

Trên đầu người: per person, per capita, per head

Trên giờ: per hour

Xét về: in terms of/ as regards/ when it comes to N...

**4.20. Các từ và cụm từ miêu tả xu hướng trong tương lai**

To be expected/ projected/ predicted/ likely to V

Will, would, can, could, may, might

**4.21. Một số cụm từ khác diễn đạt số lượng và phần trăm.**

Một số cụm từ phổ biến khi làm bài biểu đồ tròn Task 1

| **Percentage** | **Fraction** |
| --- | --- |
| 80% | four-fifths |
| 75% | three-quarters |
| 70% | seven in ten |
| 65% | two-thirds |
| 60% | three-fifths |
| 55% | more than half |
| 50% | Half |
| 45% | more than two fifths |
| 40% | two-fifths |
| 35% | more than a third |
| 30% | less than a third |
| 25% | a quarter |
| 20% | a fifth |
| 15% | less than a fifth |
| 10% | one in ten |
| 5% | one in twenty |

Nếu phần trăm không phải là những phân số chẵn chúng ta nên dùng qualifiers để bảo đảm tính chính xác

| **Percentage** | **Qualifier** |
| --- | --- |
| 77% | just over three quarters  approximately three quarters |
| 49% | just under a half  nearly a half |
| 32% | almost a third |

Để tránh sự lặp lại, ngoài ra chúng ta có thể dùng những cụm từ dưới đây:

| **Percentage** | **proportion / number / amount / majority / minority** |
| --- | --- |
| 75% – 85% | a very large majority |
| 65% – 75% | a significant proportion |
| 10% – 15% | a minority |
| 5% | a very small number |

**4.22. Các cụm từ diễn tả nhóm tuổi**

The 20 - 30 age group

The group of 20-30-year-olds

The group of/ at/ aged 20-30

People at/ of/ aged 20-30 years old

The 20-30 year-old group

1. **Hướng dẫn các bước đơn giản viết biểu đồ dạng Maps và Process**
2. **Những lưu ý khi viết biểu đồ dạng Maps**

***Bài maps cũng nên được viết thành bốn đoạn:***

+ Cách viết phần giới thiệu (Introduction).

Các em chỉ cần sử dụng ngôn từ của mình diễn đạt lại (paraphrase )câu giới thiệu bản đồ Maps của bài.

+ Cách viết câu tổng quan Overview/ Summary.

Các em nhìn kỹ bản đồ và tìm ra hai đặc điểm: một đặc điểm chung nhất và một đặc điểm nổi bật hoặc đặc biệt nhất. và viết khoảng hai đến ba câu về nó.

+ Hai đoạn thân bài:

Miêu tả và so sánh chi tiết sự thay đổi hay phát triển của đối tượng được nhắc tới trong bài.

***Tám cấu trúc từ phải nhớ khi viết maps***

* ***Cấu trúc từ miêu tả vị trí hoặc phương hướng***

To be situated in / to the northeast area/ region/ zone/ corner of …..

To be located

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc di chuyển hoặc di dời tới một nơi nào đó***

To be moved/ relocated to

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc mở rộng hoặc kéo dài***

To be extended/ expanded/ widened = To become bigger (Được mở rộng)

To become longer/ to be lenghthened

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc thu hẹp và rút ngắn***

To be narrowed/ to become narrower/ to become smaller

To be shortened/ to become shorter

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc phá bỏ.***

To be demolished/ to be knocked down (được sử dụng khi nói về việc phá bỏ công trình kiến trúc xây dựng nào đó)

To be cut down/ to be chopped down (được sử dụng khi nói về việc chặt phá cây hoặc rừng)

To disappear/ to vanish (không dùng hai từ này ở thể bị động)

The northeast witnessed the disappearance of …..

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc xây mới một công trình nào đó.***

To be built/ to be erected/ to be constructed

To appear

There is a construction of…/ there is an erection of…/ there is a building of…

The northeast witnessed the construction of …

* ***Cấu trúc từ miêu tả việc một công trình cũ được thay thế bởi một công trình mới***

To be replaced by/ with

To be demolished to make way for …

To be knocked down to give way to …

To be cut down/ chopped down to make room for

* **Cấu trúc từ miêu tả việc giữ nguyên (không thay đổi)**

To still exist/ to still remain/ to remain unchanged

1. **Những lưu ý khi viết biểu đồ dạng Process**

Trong IELTS Writing task 1 có hai dạng bài về Process là Manufaturing process (MP) Natural Process (NP). Động từ được sử dụng trong dạng bài NP được dùng ở thể chủ động, trong khi đó động từ được sử dung trong dạng bài MP được dùng ở thể chủ động. Thì của động từ thường được sử dụng ở thì hiện tại đơn giản.

Các từ trong đề bài chỉ là các từ gợi ý, các em phải biến đổi , phát triển hoặc sử dụng các từ đồng nghĩa khác để viết nhằm da dạng vốn từ của bài.

Cần sử dụng phong phú và đa dạng các cấu trúc câu và dạng của động từ .

Bài Process cũng nên được viết thành bốn đoạn

***+ Cách viết phần giới thiệu (Introduction)***

Các em chỉ cần sử dụng ngôn từ của mình diễn đạt lại (paraphrase) câu giới thiệu Process của bài.

Một số cấu trúc đơn giản để viết câu introduction cho bài Process.

The illustration/ diagram/ picture shows information on the different stages in the…

The illustration/ diagram/ picture presents an overview of the main steps involved in the...

The illustration/ diagram/picture provides a detailed description of the…

The illustration/ diagram/ picture outlines the different steps in the…

The illustration/ diagram/ picture highlights the various stages related to the…

***+ Cách viết câu tổng quan Overview***

Thông thường , khi viết overview cho Process, các em chỉ cần chỉ ra Process có tổng cộng là bao nhiêu bước , bắt đầu là công đoạn gì và kết thúc là công đoạn gì.

***+ Các lưu ý khi viết hai đoạn thân bài***

* Miêu tả chi tiết từng giai đoạn của process theo đúng thứ tự của quy trình và lưu ý những điều sau và không được bỏ sót bất kỳ công đoạn nào.
* Đề bài process không hiển thị thời gian, cho nên các em sử dụng thì hiện tại đơn giản để miêu tả process.
* Một lần nữa lưu ý là với bài Natural process các em dùng thể chủ động cho động từ và với Manufacturing các em dùng thể bị động cho động từ trong câu miêu tả.
* Sử dụng đa dạng form của động từ

Trong bài viết Process, động từ thường được sử dụng ở nhiều dạng khác nhau như VPII (bị động), being VPII, Ving, V\_er

Ví dụ: động từ Dig có bốn dạng thường được sử dụng trong bài process là Dug, Being dug, Digging và Digger

Những dạng động từ trên được sử dụng cụ thể trong câu như sau:

At the first stage, clay is ***dug*** from the ground.

The first stage begins with ***digging*** clay from the ground

The first stage starts with clay ***being dug*** from the ground

At the first stage, clay is taken by a ***mixer*** from the ground

* Sử dụng linh hoạt các cụm từ liên kết các hành động diễn ra theo trình tự .
* Firstly/ First/ To start with/ To begin with/ To commence with/ Initially/ The first stage begins with…/ At the first step, S V…
* Next/ Then/ Afterwards/ Subsequently/ After that/ Following that/ At the next stage/ the next stage continues with…
* Finally/ Lastly/ At the final stage
* Ngoài các từ nối trên, các em có thể sử dụng một số cách khác để viết câu ghép hoặc câu phức cho bài viết của mình:

1. Sử dụng các liên từ để nối 2 bước hay quy trình với nhau: before, after, as soon as,once…

Eg: First, the bananas are peeled by a special machine. Second, they are soaked in water. ( hai câu đơn)

-> As soon as the bananas are peeled by a special machine, they are soaked in water. ( một câu ghép)

2. Sử dụng đại từ “where”để diễn tả nơi mà quy trình đó diễn ra.

Eg: The clean bananas are put into a chipping machine. They are sliced into thin chips in a chipping machine.

-> The clean bananas are put into a chipping machine where they are sliced into thin chips.

3. Dùng cụm từ“…which allows/helps/enables + O to V ”để diễn tả chức năng, tác dụng của công cụ

-> The cooked banana chips are removed from the fryers using a special sieve which allows/helps/enables all of the oil to drain off.

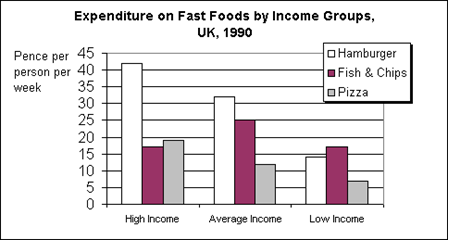
4. Sử dụng các diễn đạt chỉ mục đích tại bất kì bước nào trong quy trình : in order to + V, so as to V, In order that + Clause, so that + clause, with the purpose of + N/Ving, with a view to Ving .

-> The banana chips are packed in order to be better preserved.

-> The banana chips are packed with the purpose of being preserved and sold.

**MỘT SỐ BÀI SAMPLE WRITING TASK 1**

1.



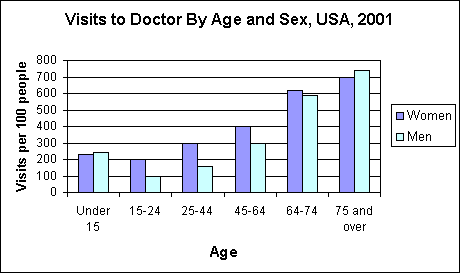
The bar chart compares and contrasts information about the amount of weekly spending the UK citizens allocated for fast foods based on three income groups in the year 1990.

It is noticeable that the total amount of money people with high income spent on fast foods was the highest and hamburger, in general, was the most popular food for the high and average earning people.

Looking at the bar chart in more detail, we can see that people who had high income and average earnings used the most amount of spending on hamburger with about well over 40 and over 30 respectively. By contrast, when it comes to the low income group, the quantity of expenses for hamburger accounted for the second at just below 15, roughly 25 lower than the leading figure in the same category.

In groups with average and low incomes, the second most favorite fast food item belonged to fish and chips at 25 and approximately 17 correspondingly, followed by pizza at about 12 and 7 respectively. However, pizza in the high income group stood in the second position with around 18. Interestingly, individuals with low and high incomes spent nearly the same amount of money on fish and chips at about 17.

2.

****The

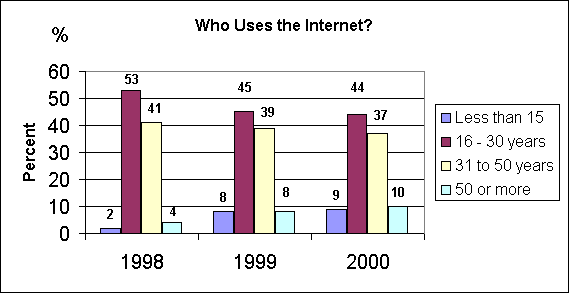
The bar chart illustrates information about the number of visits to doctors in terms of age and gender in the USA in 2001.

It is clear from the chart that the quantity of appointments females had with their doctors outnumbered that of males. By contrast, both genders in the 75 and over age group paid the most visits to their physicians although the figures for visits of the two sexes to the doctor’s in the age group of 15-24 -year -olds accounted for the lowest.

The group aged 75 and over surpassed any other age group with about 700, followed by the second ranking, the group at the age of 64-74 at approximately 600, 100 lower than that of the leading group. However, the third position belongs to the 45-64 group of age with 400 and 300 for females and their opposite gender correspondingly.

The 15-24 year-old age group had the lowest quantity of appointments with the doctor at 100 and 200 for men and their opposite sex respectively while both sexes in the age group of under 15 had nearly the same figures at well over 200. Strikingly, there were twice as many females as males in the number of appointments to the doctor’s in two groups at the age of from 15 to 44

3.

****

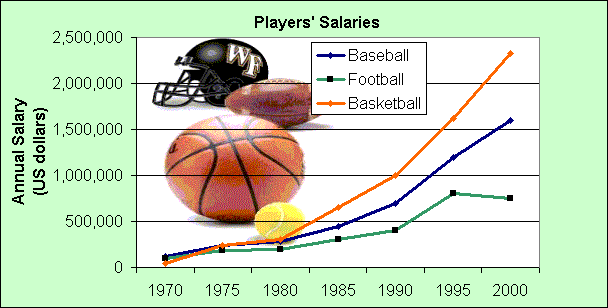
The bar chart describes information on the percentage of those who got access to the internet on the basis of four age groups between 1998 and 2000.

It is clear from the chart that the age groups from 16 to 30 and from 31 to 50 saw an increase while the other groups of age witnessed a decline in the number of internet users.

In 1989, the proportion of internet utilizers in the age group of 16 – 30 accounted for the highest at well over 50, followed by the second position, the group at the age of 31 – 50, with just more than 40, about 10 lower than the former. However, the number of people using the internet from 1999 to 2000 based on the 16 – 30 age group and the 31 – 50 group of age remained nearly unchanged at almost 45 and well under about 40 respectively.

The group aged less than 15 recorded a steady increase from 2 to 9, a rise of 7. By contrast, the 50 or more age group experienced a rise of 6 from 4 to 10 over the whole period shown. Interestingly, in 1999 the figures for internet users in the less than 15 age group were equal to those for citizens having access to the internet in the age group of 50 or more at 8.

4.

****

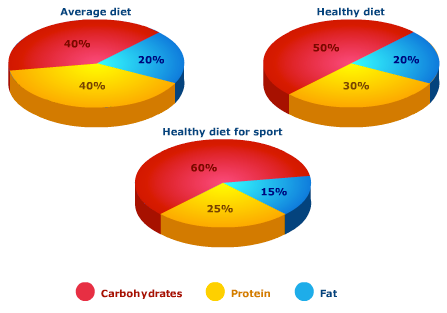
The line graph shows information about the salary players of three sports received on a yearly basis over a period of 31 years from 1970 to 2000.

It is clear from the graph that there was a rise in the wages of these sport players over the period shown. However, overall, players of basketball received the highest salary.

In 1970, the wages the players had were low with about 100. These figures increased slightly to around 250 in 1980, a rise of 150 in comparison with the original salary. Nonetheless, the wages of basketball and baseball players experienced a significant increase from roughly 250 to over 2.300 and approximately 1.600 respectively between 1980 and 2000.

The period from 1980 to 1990 recorded a slight rise to about 400 for football players before their wages increased considerably to approximately 800 in 1995. In the next six years, the salaries for football players decreased moderately to around 7000, about 900 lower than those for baseball players and 1.600 lower than those for players of basketball.

5.



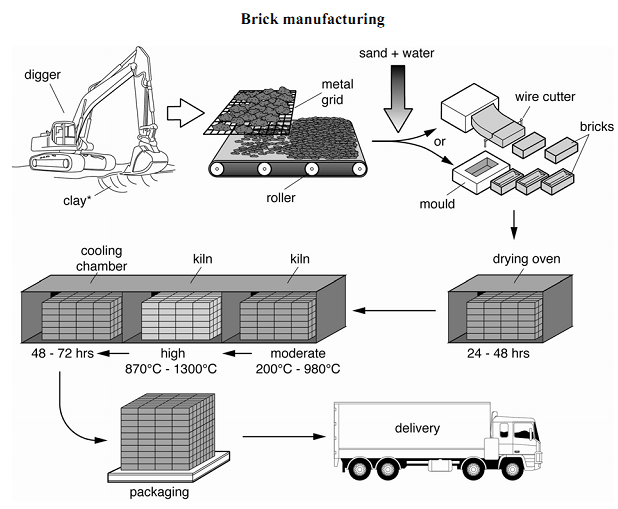
The pie charts compare and contrast data on the percentages of three kinds of necessary nutrients needed for an average diet, a healthy diet and a healthy diet for sport.

It can be clearly seen from the three pie charts that carbohydrates are the most important nourishment, accounting for the highest share among the three diets while all these diets contain the lowest percentage of fat.

A healthy diet for sport require 60 % of carbohydrates , 10 more than the percentage of carbohydrates in the healthy diet ,and 20% higher than he proportion in the average diet. By contrast, the amount of protein consumption in the average diet at 40 % is 10 higher than that in the healthy diet with 30% and 25% larger than that in the healthy diet for sport.

The interesting point is that fat constitutes 20%, one fifth of both the average and the healthy diet , which is 5% higher than the percentage of fat for the healthy diet for sport at 15%.

6.



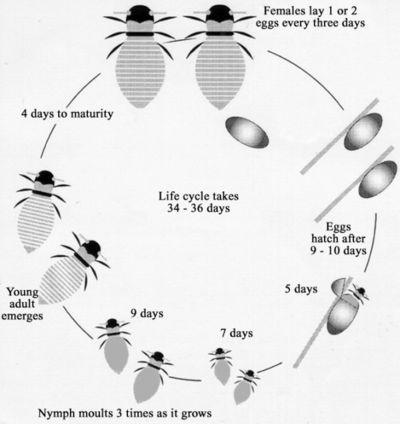
The diagram shows information about how bricks are produced for construction.

It is clear from the illustration that there are seven stages in the process of manufacturing bricks. The first step begins with clay being dug from the ground and the final step is delivering the finished products to the market.

At the beginning of the whole process, a digger is used to dig the clay used to make bricks from the ground. And then, the clay is placed onto a metal grid where it is broken into smaller pieces before falling onto a roller. Following this step, sand and water are added to the clay. At the next stage, the clay is shaped into bricks with the assistance of either a mould or a wire- cutter.

The fourth stage continues with the clay bricks being inserted into a drying oven with the aim of drying for one or two days. At the subsequent stage, the bricks are heated in a kiln at a moderate temperature ranging from 200 to 980 degrees Centigrade and then at a high temperature from 870 to 1300 degrees Celsius. ), followed by a cooling process in a chamber for 2 – 3 days. Finally, the finished bricks are packed and delivered to the customers.

7.



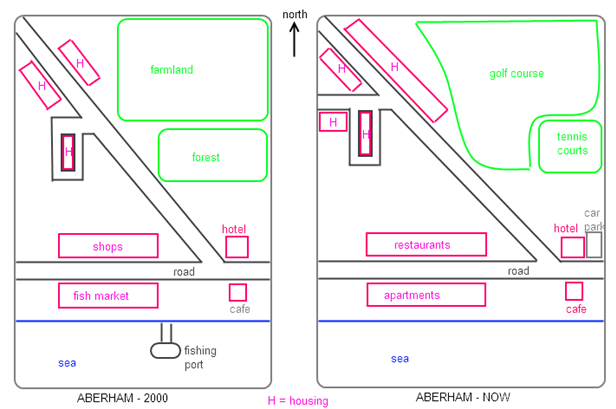
The illustration presents the various stages in the complete life cycle of the honey bee.

It is clear that the whole life cycle is about from 34 to 36 days long. Overall, there are six stages in the development process of a honey bee, starting from eggs to mature bees.

In the first stage, a female bee lays one or two eggs every three days. In the next five or ten days, these eggs hatch into nymphs, and it takes the nymph five days , seven days and then nine days to moult three times correspondingly in its growth process to become the young bee.

After a total of 31 to 32 days from the beginning of the cycle, the young adult honey bee appears after its final moulting stage, and a period of four days it becomes a fully mature honey bee. This is the final stage of the life-cycle of the honey bee

8.

[](http://tuhocielts.com/wp-content/uploads/2014/07/ielts-writing-task-1-map-1.png)

The illustrations show various changes in a village called Aberham from 2000 to the present time.

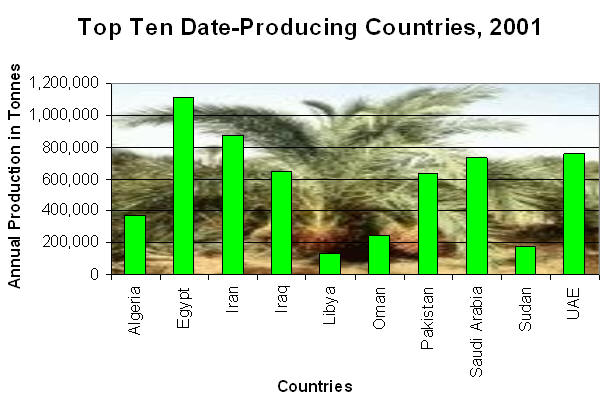
It is clear that there have been changes in almost every corner of the village . However, the hotel and the café still exist.

Having a detailed look at the maps, we can see that the housing areas situated in the north west part have been expanded on both sides of the main road across the village. However, the farmland located in the north east corner was replaced by a golf course while the forest was cut down to make way for a tennis court. Beside the hotel and the café which still remain opposite each other , there was a construction of a car park in the east.

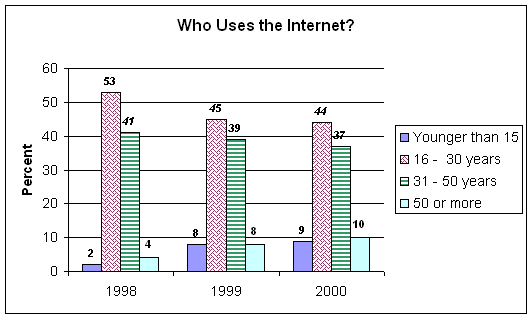
The shops and the fish market opposite each other on both roadsides of the main road along the coast were demolished to give way to the restaurant and the apartments respectively. The noticeable change we can see obviously is that the fishing port disappeared from the seaside.

1. **MỘT SỐ ĐỀ IELTS WRITING TASK 1 THAM KHẢO**

Practice test 1

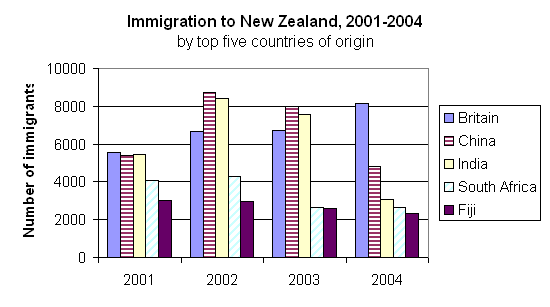
****

**PRACTICE TEST 3**

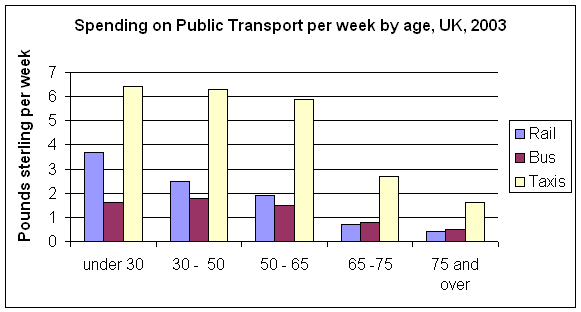


Practice test 4

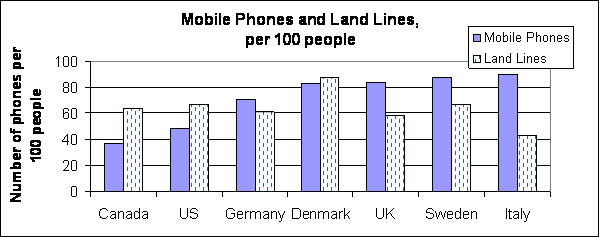
Practice test 5



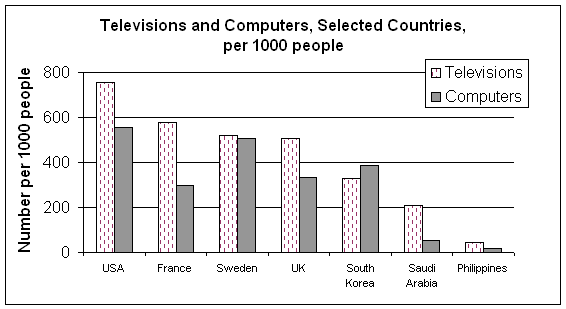
Practice test 6



Practice test 7

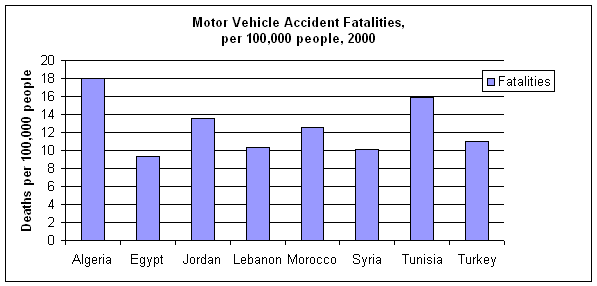


Practice test 8

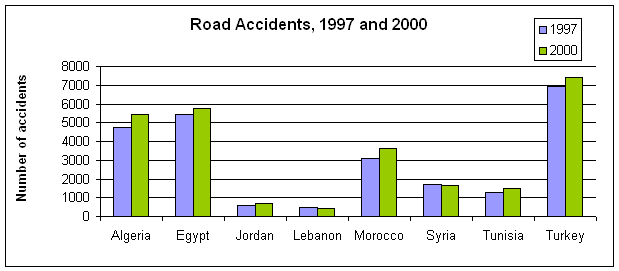


Practice test 9

Practice test 10

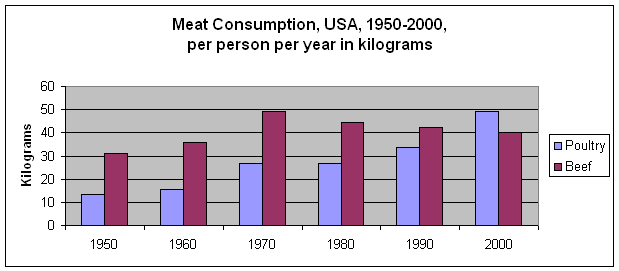


Practice test 11

****

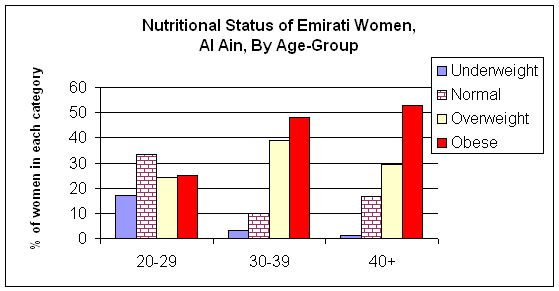
Practice test 12

Practice test 13

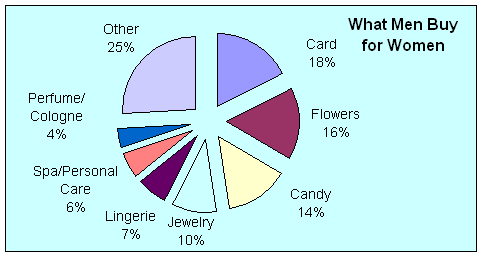


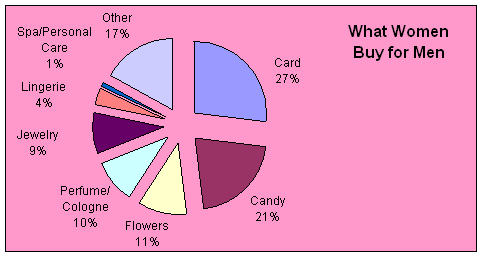
The graph reveals information on changes of meat consumption including poultry and beef per person per year in the

Practice test 14

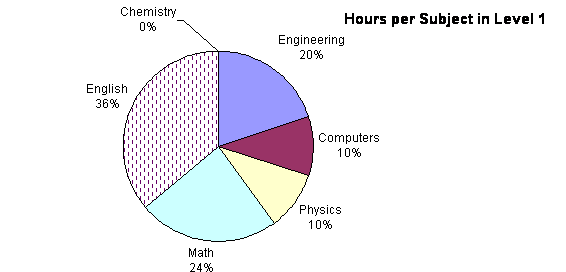


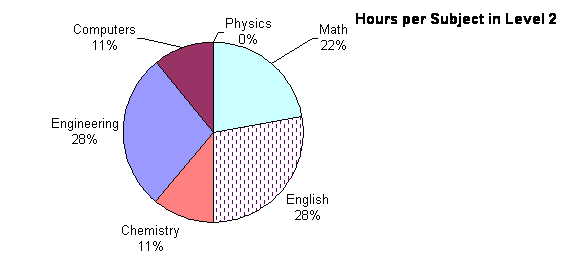
Practice test 15



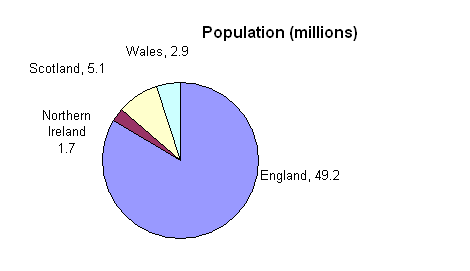


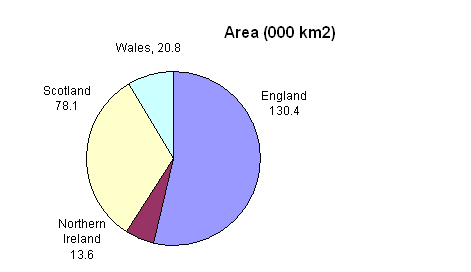
Practice test 16



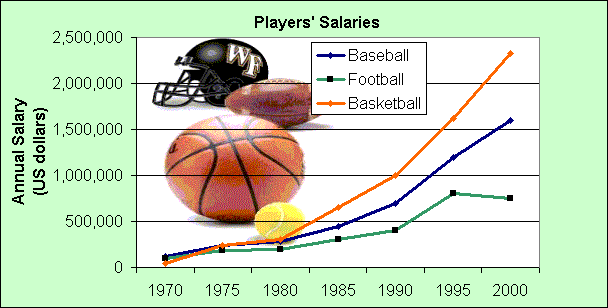


Practice test 17





Practice test 18



The graph illustrates the salaries of basketball players, baseball players, and football players MEASURED BY thousand US dollars over the period of 31 years from 1970 to 2000.

Slight

Looking at the chart from an overall perspective, it is readily apparent that *the salaries of these sports players witnessed upward trend and those (= the values of) of basketball players took the leading position among all these players* over the period shown.

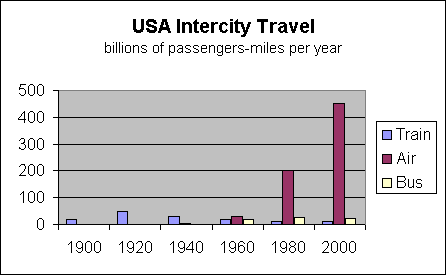
In 1970, the salaries of these athletes were relatively equal (comparable) at about 100. From 1970 to 1980, these figures recorded a moderate increase to around 250, indicating a rise of 150.

The next period of 21 years from 1980 to 2000 experienced a remarkable rise in the salaries of basketball players and baseball players from 250 to approximately 2,300 and 1,600 respectively. From 1980 to 1995, there was a considerable growth to 800 in the values of basketball players before they saw a mild drop to about 750 in 2000.

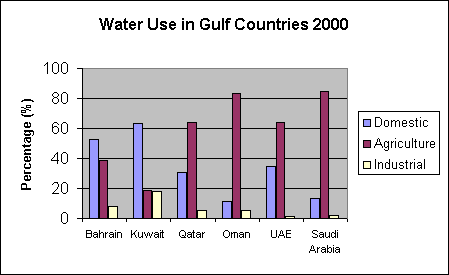
Practice test 19

Practice test 20

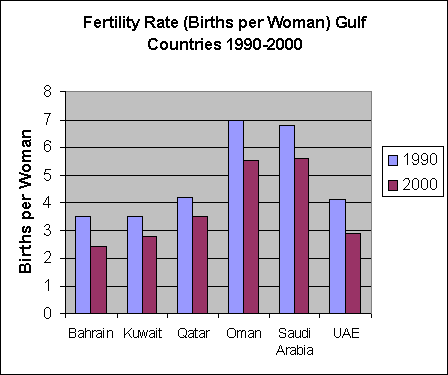
Practice test 21



Practice test 22



Practice test 23

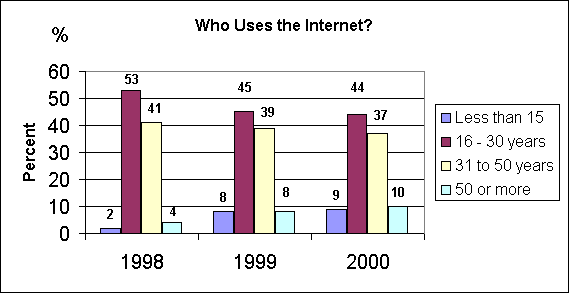


## Practice test 26



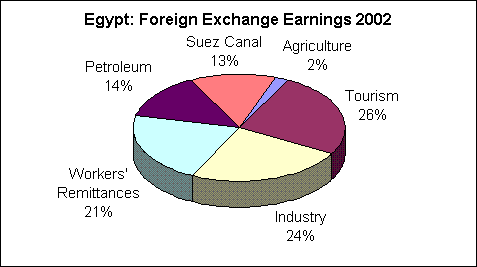
Practice test 27

Practice test 28

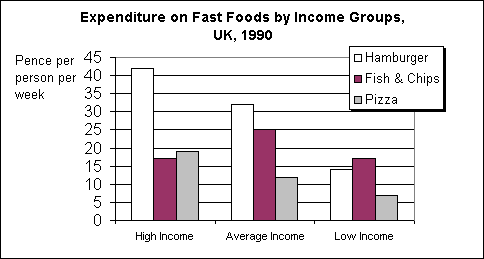


Practice test 29

Practice test 30



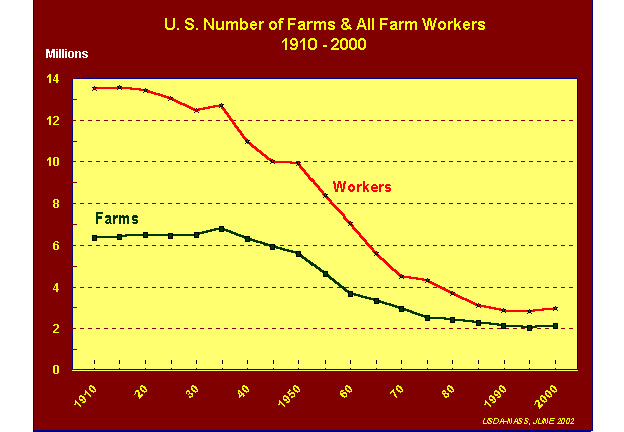
Practice test 36

****

Practice test 37

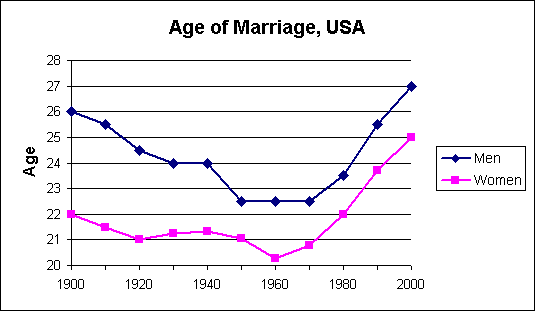
Practice test 39

Practice test 40

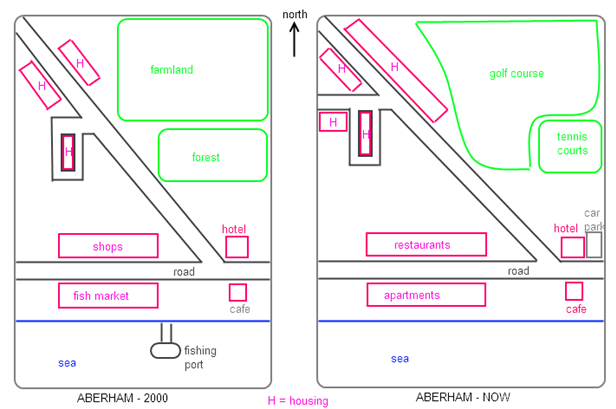


Practice test 41

Practice test 42



Practice test 43

7 th[](http://tuhocielts.com/wp-content/uploads/2014/07/ielts-writing-task-1-map-1.png)

1. introduction
2. overview: Looking at the maps from an overall perspective, it is apparent that there have been numerous **alterations** made on Aberham while the hotel and the cafe **have been around** over the period shown.
3. body

Going into elaborate detail on the maps, we can obviously see that the housing areas l**ocated in the northwest corner** have been expanded.

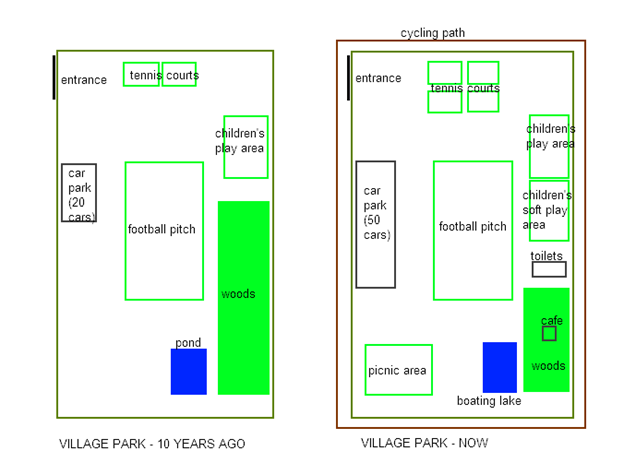
=> **Going into elaborate detail on the maps, we can obviously see that**

**…the outline of Aberham’s initial framework depicts (describes) the small housing areas located in the northwest corner. However, the depiction (picture) of the village following the remodeling portrays (describes) a larger housing district.**

While the farmland has been replaced by/turned into/transformed into/converted into a golf course, the forest was chopped down/destroyed to make way for tennis courts.

**It is also interesting to note that** the shops and the fish market **which were opposite each other on both sides of the road** have been turned into restaurants and apartments respectively. Beside the hotel, which remains opposite the cafe, a car park has been constructed. In the southern part of the village, the fishing port has been demolished.

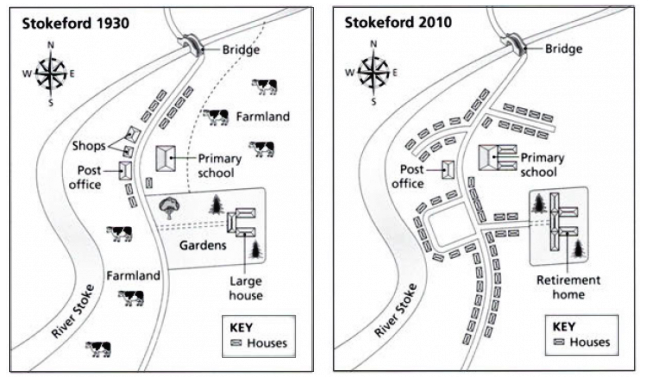
Practice test 44

[](http://tuhocielts.com/wp-content/uploads/2014/07/ielts-writing-task-1-map-2.png)

**Practice test 45**

### The maps below show the village of Stokeford in 1930 and 2010.

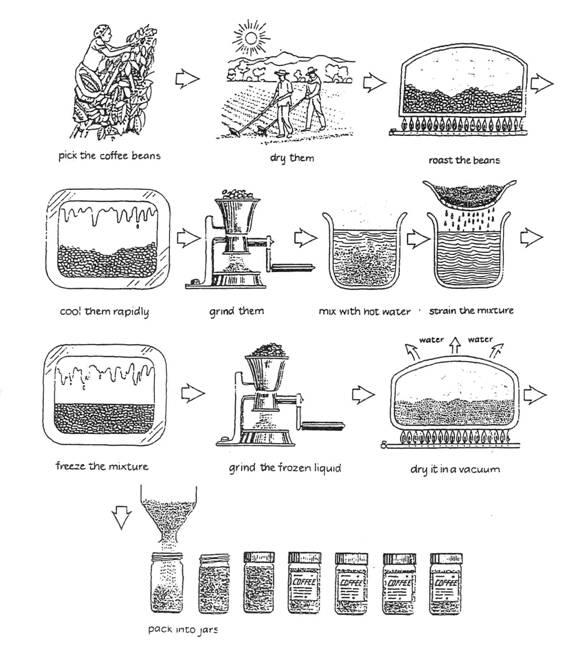
**Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.**



**Practice test 46**

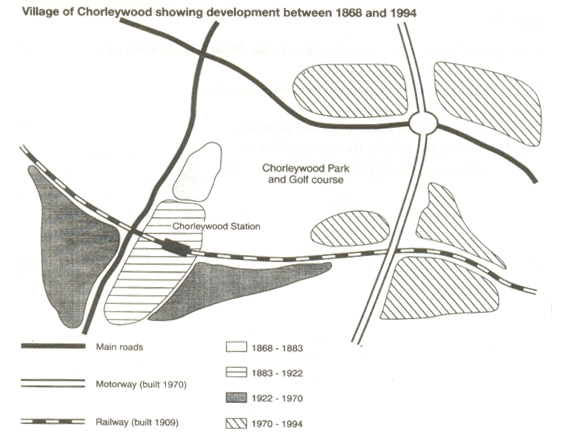
Practice test 47

***The diagram below shows how coffee is produced and prepared for sale in supermarkets and shops.***

[](http://ielts-simon.com/.a/6a0120a5bb05d8970c016301d26131970d-pi)

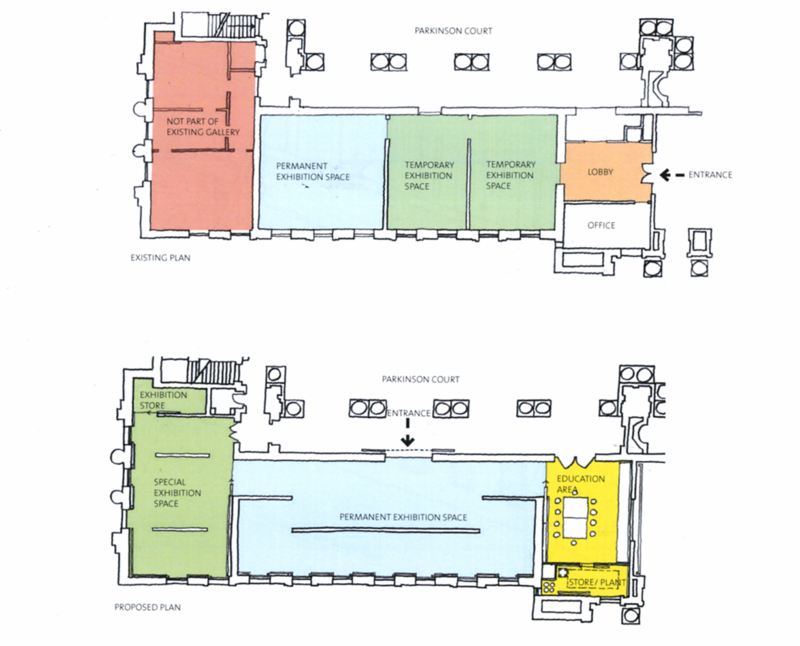
Practice test 48

## Village of Chorleywood



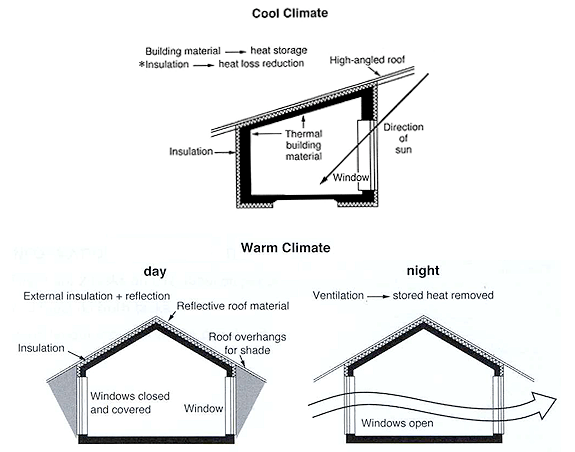
Practice test 49

## Gallery



Practice test 50

## House design



Practice test 51

## 2 proposed supermarket

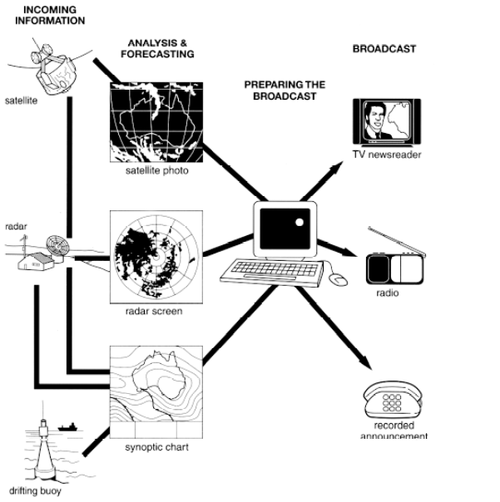
***The map below is of the town of Garlsdon. A new supermarket (S) is planned for the town. The map shows two possible sites for the supermarket.***



Practice test 52

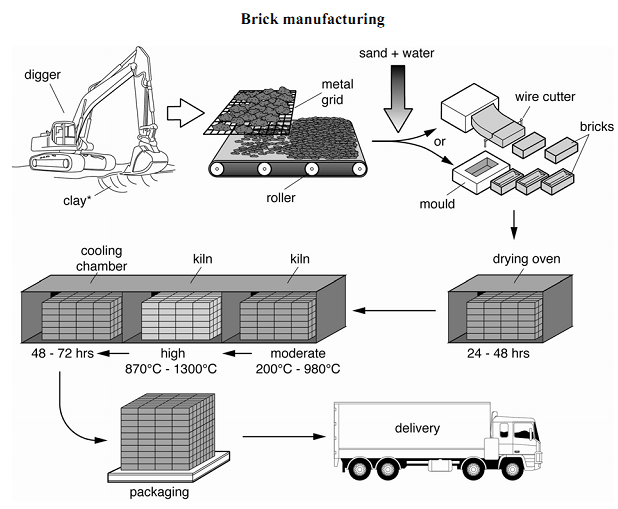
## Forecast in Australia

***The diagram below shows how the Australian Bureau of Meteorology collects up- to-the-minute information on the weather in order to produce reliable forecasts.***



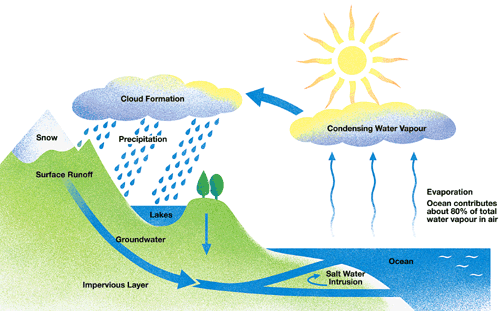
Practice test 53

## Brick manufacturing



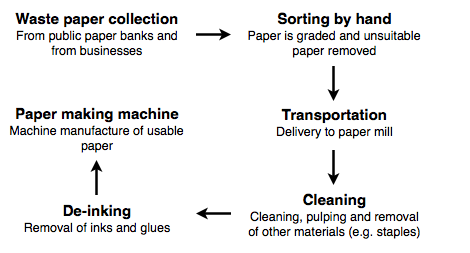
Practice test 54

***The diagram below shows the water cycle, which is the continuous movement of water on, above and below the surface of the Earth.***

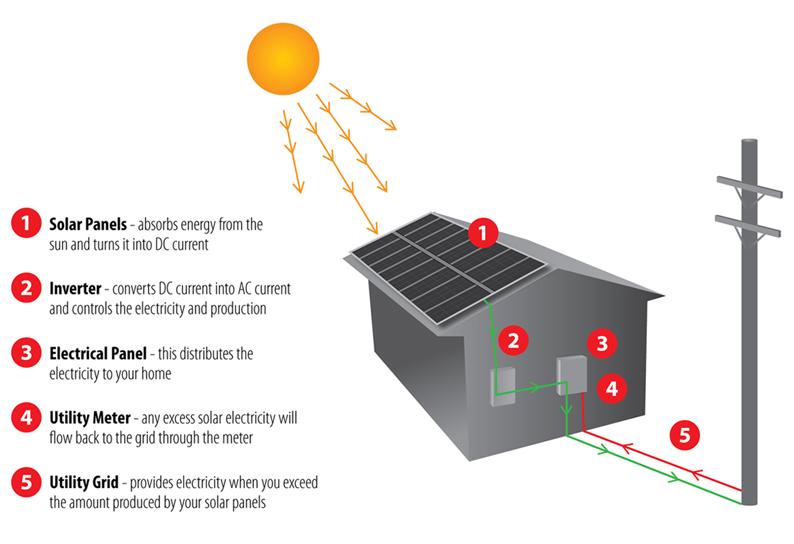


Practice test 55

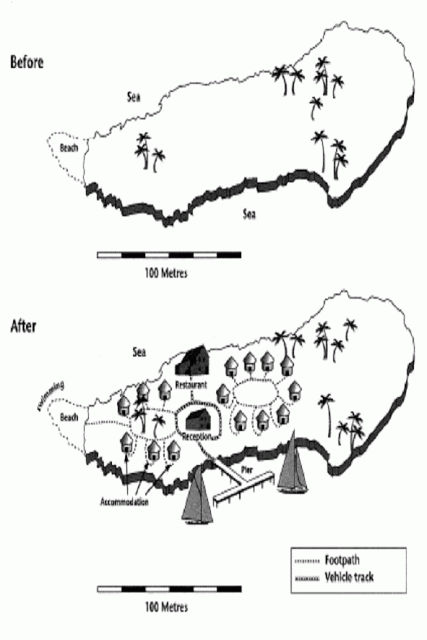
***The chart below shows the process of waste paper recycling.***

[](http://ielts-simon.com/.a/6a0120a5bb05d8970c019b00183230970d-pi)

Practice test 56



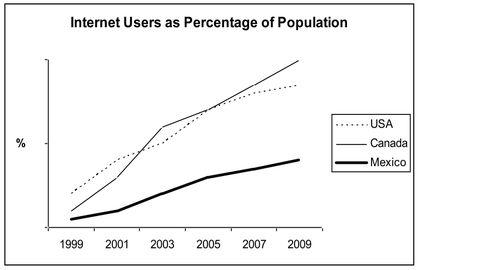
Practice test 57

[](http://1.bp.blogspot.com/-SHWd-S6mp6s/UXiYRtH0FAI/AAAAAAAAAUc/JQhKpS2H--Y/s1600/image002.gif)

## 

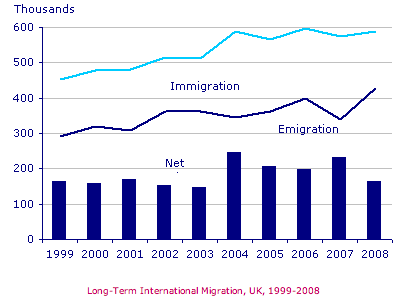
## Practice test 58

## Internet Users as percentage of population



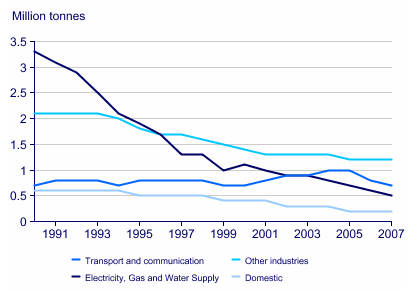
## Practice test 59

## International migration in UK



## Practice test 60

## UK acid rain emission

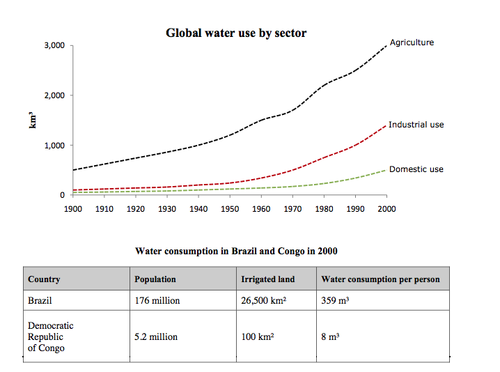
******

***In 1970, the amount of rain caused by E/G/W was under 3.5 million, which then recorded a sharp decline to 0.5 million during the period from 1990 to 2007. It is noticeable that in 2007, this figure held the second lowest position among all these sectors/aspects.***

## Practice test 61

## Water consumption

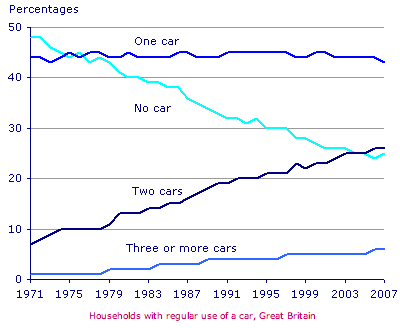
***The graph and table below give information about water use worldwide and water consumption in two different countries.***



## Practice test 62

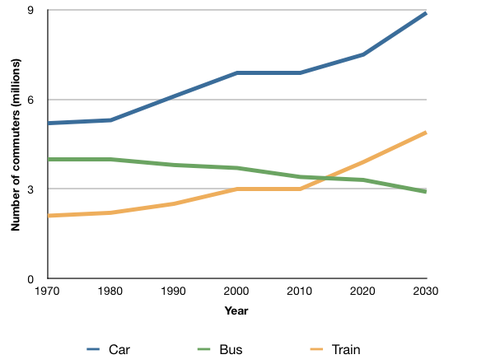
## Car ownership

***The graph below gives information about car ownership in Britain from 1971 to 2007.***



## Practice test 63

***The graph below shows the average number of UK commuters travelling each day by car, bus or train between 1970 and 2030.***

[](http://ielts-simon.com/.a/6a0120a5bb05d8970c019101f28f36970c-pi)

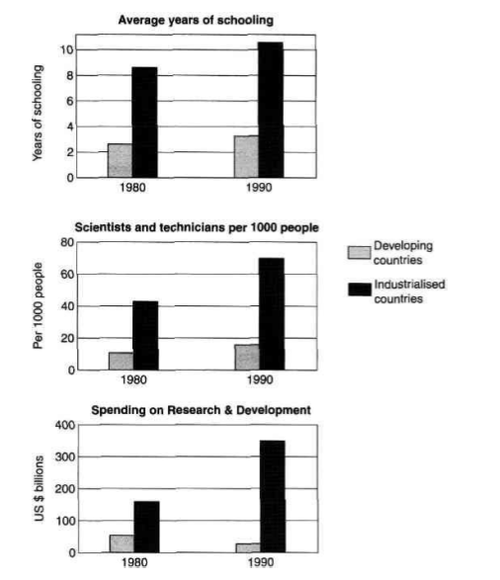
## Practice test 64

## 

## Practice test 65

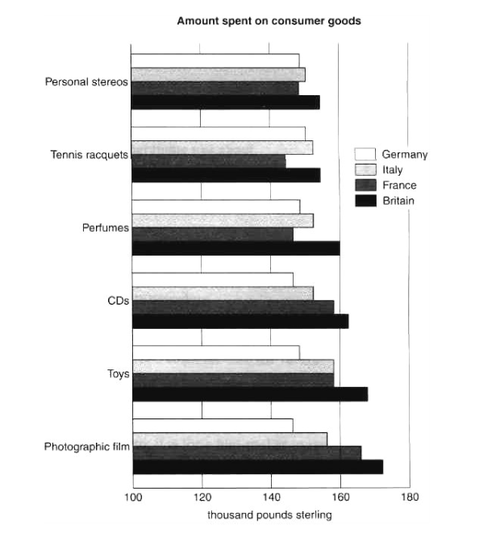
## Levels of participation

## ***The charts below show the levels of participation in education and science in developing and industrialised countries in 1980 and 1990.***



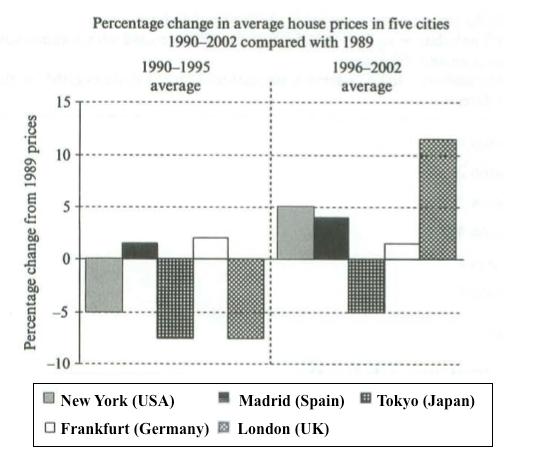
## 

## Practice test 66



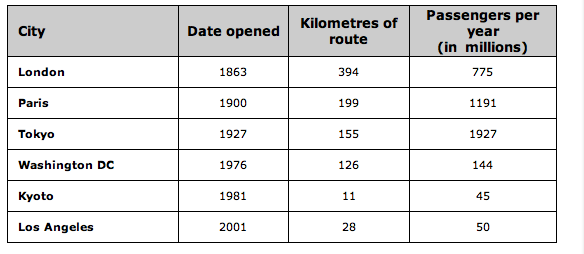
## Practice test 67

## House prices



## Practice test 68

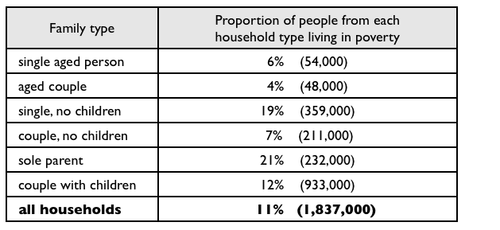
## *The table below gives information about the underground railway systems in six cities.*



## Practice test 69

## Poverty proportion in Australia

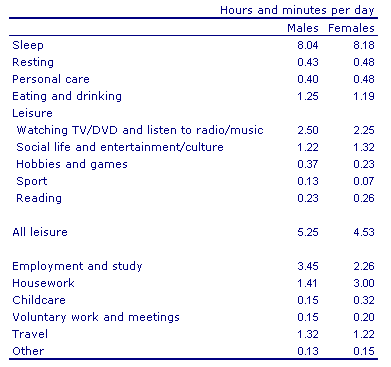
***The table below shows the proportion of different categories of families living in poverty in Australia in 1999.***



## Practice test 70

## Daily activities

***The chart below shows average hours and minutes spent by UK males and females on different daily activities.***

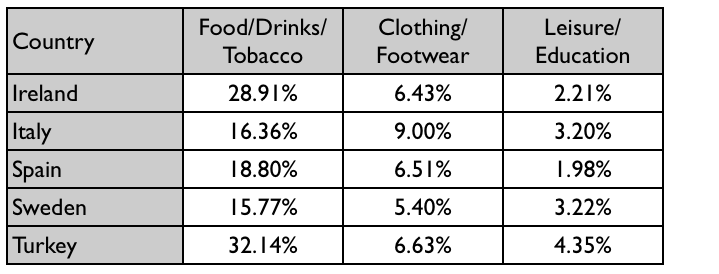


## Practice test 71

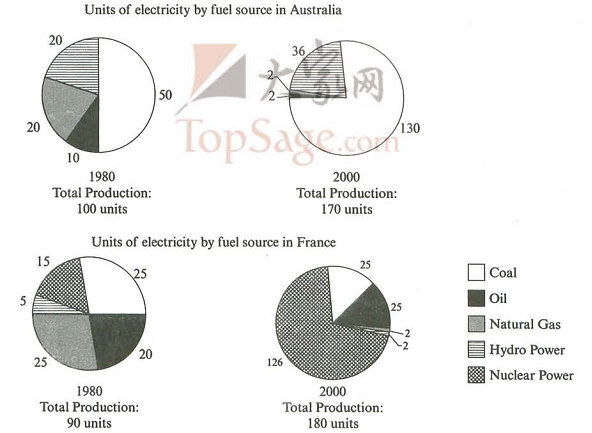
## Goods consumer

***The table below gives information on consumer spending on different items in five different countries in 2002.***

Percentage of national consumer expenditure by category - 2002

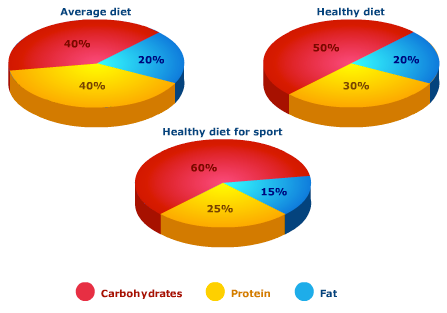


## Practice test 72

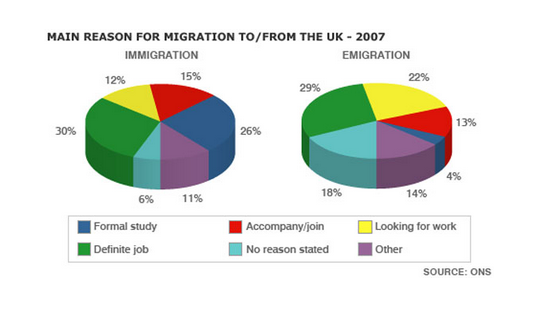


## Practice test 73

## Diet

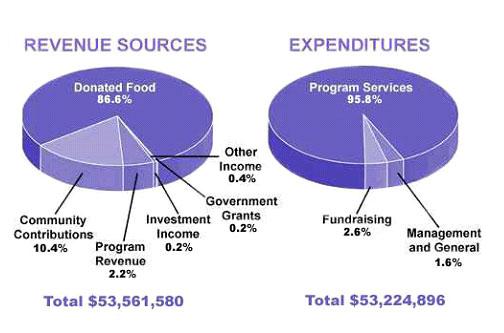


## Practice test 74

[](http://scholarshipplanet.info/vi/wp-content/uploads/2014/04/1234.png)

## Practice test 75

### **Revenue Sources and Expenditures of a USA Charity in one year.**



*76. Personal savings as a percentage of personal income*

|  | **1970** | **1990** | **2000** |
| --- | --- | --- | --- |
| Canada | 5.6 | 11.5 | 1.9 |
| France | 18.7 | 12.5 | 13.6 |
| Germany | 13.8 | 13.8 | 11.8 |
| Italy | 29.5 | 17.6 | 11.4 |
| Japan | 17.6 | 12.1 | 13.6 |
| UK | 9.2 | 8.2 | 11.1 |
| USA | 8.2 | 5.5 | 4.0 |

***77. The table below shows the average band scores for students from different language groups taking the IELTS Academic Paper in 2003.***

|  | **Listening** | **Reading** | **Writing** | **Speaking** | **Overall** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hindi** | 6.78 | 6.38 | 6.62 | 6.86 | 6.73 |
| **Malayalam** | 6.31 | 6.13 | 6.49 | 6.52 | 6.43 |
| **Russian** | 6.35 | 6.13 | 6.11 | 6.69 | 6.38 |
| **Spanish** | 6.27 | 6.42 | 6.08 | 6.64 | 6.41 |

***78. The table below shows the results of a survey to find out what members of a city sports club think about the club’s activities, facilities and opening hours.***

| **Range of activities** | **Very satisfied** | **Satisfied** | **Not satisfied** |
| --- | --- | --- | --- |
| Female members | 35% | 35% | 30% |
| Male members | 55% | 40% | 5% |
| **Club facilities** |  |  |  |
| Female members | 64% | 22% | 14% |
| Male members | 63% | 27% | 10% |
| **Opening hours** |  |  |  |
| Female members | 72% | 25% | 3% |
| Male members | 44% | 19% | 37% |

***79. The tables below give information about the world population and distribution in 1950 and 2000, with an estimate of the situation in 2050.***

| **World population 1950-2050** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| World Population | 1950 | 2000 | 2050 |
| (billions) | 2.5 | 6.0 | 9.0 (estimate) |
| **Distribution of World Population by Region** | | | |
| Africa | 9% | 13% | 20% |
| Asia | 56% | 60% | 59% |
| Europe | 22% | 12% | 7% |
| Latin America | 6% | 9% | 9% |
| North America | 7% | 5% | 4% |
| Oceania | <1% | 1% | 1% |

***80. The table below shows the average annual percentages of water pollution in four large cities in 2003.***

|  | Taipei | Sao Paulo | Tokyo | New York |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Domestic Sewage | 50 | 65 | 23 | 41 |
| Pesticides | 28 | 9 | 31 | 13 |
| Erosion | 12 | 20 | 23 | 12 |
| Phosphates in detergents | 10 | 6 | 23 | 34 |

***81. The table below gives information about the five small companies in Britain that came top in a survey of staff conducted by a national newspaper to find out which companies are the best to work for.***

The five best small companies to work for

| **Position in survey** | **1st** | **2nd** | **3rd** | **4th** | **5th** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Staff numbers | 56 | 79 | 72 | 76 | 190 |
| Male : Female ratio | 30:70 | 47:53 | 74:26 | 13:87 | 51:49 |
| Under 35s / over 55s | 77% / 0% | 59% / 1% | 82% / 0% | 26% / 8% | 93% / 0% |
| Staff turnover | 5% | 18% | 8% | 13% | 33% |
| Staff in high income bracket | 34% | 48% | 74% | 5% | 2% |

***82 The table below shows how the UK unemployed spend their time in the year 1982.***

|  | Morning men | Morning women | Afternoon men | Afternoon women |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| % | % | % | % |
| Housework | 19 | 49 | 7 | 21 |
| Shopping | 20 | 26 | 9 | 17 |
| Job hunting | 22 | 16 | 12 | 13 |
| Visiting friends or relatives | 6 | 10 | 12 | 17 |
| Gardening | 14 | 2 | 13 | 3 |
| TV | 4 | 2 | 14 | 12 |
| Reading | 9 | 5 | 8 | 10 |
| Decorating | 7 | 3 | 7 | 2 |
| Walking | 5 | 3 | 8 | 2 |
| Nothing/Sitting around | 3 | 3 | 9 | 6 |
| Staying in bed | 8 | 8 | 1 | 0 |
| Visiting town | 5 | 7 | 3 | 4 |
| Playing sport | 4 | 1 | 4 | 0 |
| Drinking | 2 | 1 | 3 | 1 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

***83. The tables below show which section of a library males and females used most in a year***

**Males**

| Ages | Sections | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Fiction | Non-fiction | Reference | Internet |
| 5-15 | 71% | 8% | 4% | 17% |
| 16-25 | 22% | 9% | 15% | 53% |
| 26-65 | 15% | 35% | 15% | 35% |
| 66+ | 40% | 34% | 20% | 6% |

**Females**

| Ages | Sections | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Fiction | Non-fiction | Reference | Internet |
| 5-15 | 80% | 10% | 7% | 3% |
| 16-25 | 30% | 11% | 15% | 44% |
| 26-65 | 23% | 29% | 20% | 38% |
| 66+ | 42% | 37% | 17% | 4% |

***84. The table below shows the percentage of different – aged cars in four countries***

| Age  Country | New to 3 years | 4 to 5 years | 6 to 8 years | 9 to 12 years | 13 years or more |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| New Zealand | 26 | 32 | 34 | 6 | 2 |
| Japan | 79 | 16 | 3 | 1 | 1 |
| USA | 39 | 24 | 21 | 11 | 5 |
| Britain | 35 | 36 | 24 | 2 | 3 |

***85. The table shows the production and consumption of natural gas in different countries in 2001 (Each unit is measured in millions of tones)***

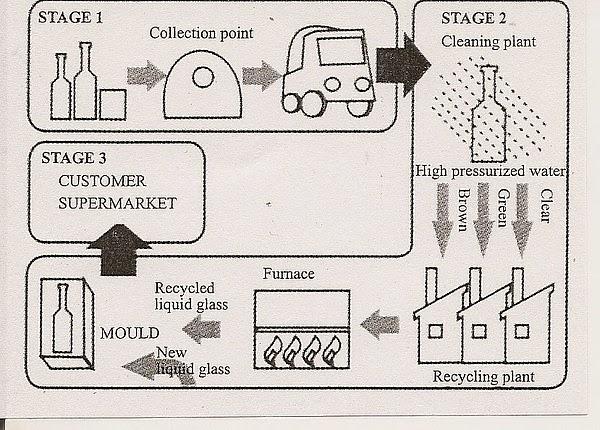
| **Country** | **Consumption** | **Production** |
| --- | --- | --- |
| The USA | 588.9 | 500.0 |
| The United Kingdom | 86.1 | 97.3 |
| The former Soviet Union | 7.1 | 0.4 |
| The United Arab Emirates | 30.0 | 35.9 |
| Australia | 19.1 | 28.0 |
| Japan | 68.9 | - |
| New Zealand | 4.9 | 5.1 |
| South Korea | 18.9 | - |
| China | 24.3 | 25.0 |

## Practice test 86

**The flow chart below shows the three stages of glass bottle recycling.**

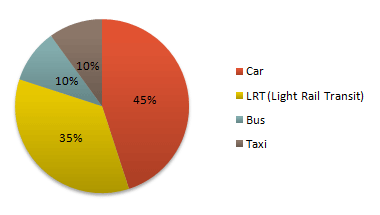
**Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparison where relevant.**

Write at least 150 words.

[](http://4.bp.blogspot.com/-kRui3F78lzA/VHl1VBHBAYI/AAAAAAAAKMM/ZvgHBNrtm5M/s1600/3159c85d924dc9a3c3db30d4e0e6aef2.jpg)

**Practice test 87**

**The diagrams below give information on transport and car use in Edmonton.  
  
Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.**

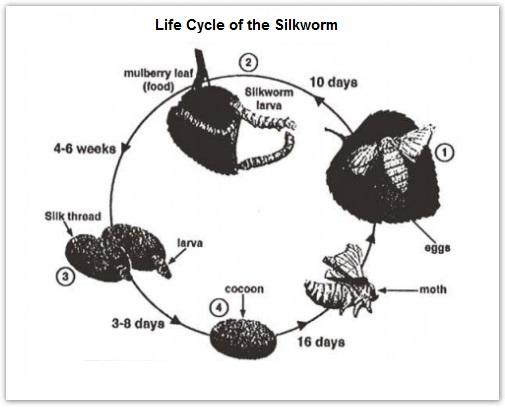
In

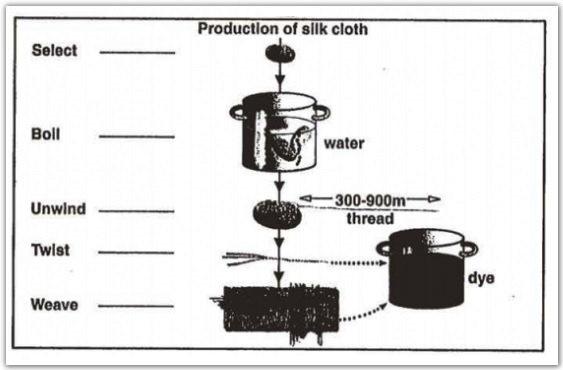
#### People’s reasons for using the car in city

| Commute to work | 55% |
| --- | --- |
| Shopping | 15% |
| Leisure activities | 15% |
| Taking children to school | 40% |
| Business | 45% |

**Practice test 88**

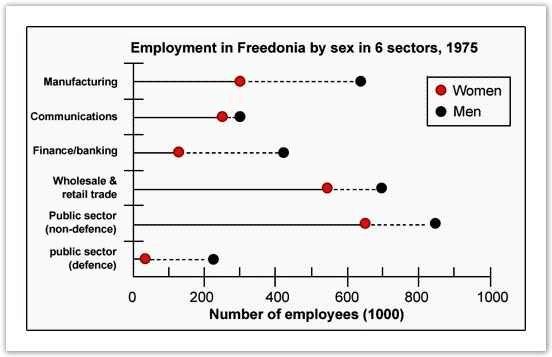
### The diagrams below show the life cycle of the silkworm and the stages in the production of silk cloth.

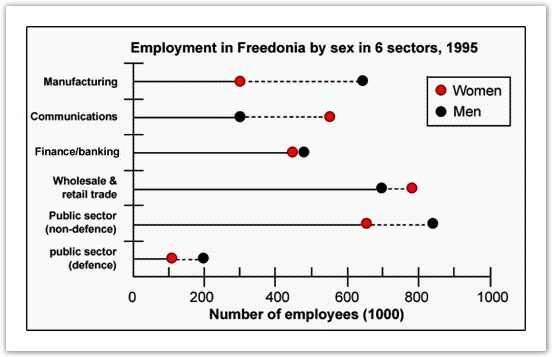




**Practice test 89**

**The graphs below show the numbers of male and female workers in 1975 and 1995 in several employment sectors of the republic of Freedonia.**





**Practice test 90**

**The line graph below shows the number of annual visits to Australia by overseas residents. The table below gives information on the country of origin where the visitors came from.**

Number of Visitors**(million)**

|  | **1975** | **2005** |
| --- | --- | --- |
| **SOUTH KOREA JAPAN CHINA USA BRITAIN EUROPE** | 2.9 3.2 0.3 0.4 0.9 1.1 | 9.1 12.0 0.8 1.1 2.9 4.5 |
| **Total** | **8.8** | **30.4** |

**Practice test 91**

**The bar chart below shows the results of a survey conducted by a personnel department at a major company. The survey was carried out on two groups of workers: those aged from 18-30 and those aged 45-60, and shows factors affecting their work performance**.



**Practice test 93**

**The table below shows the consumer durables (telephone, refrigerator, etc.) owned in Britain from 1972 to 1983.**

| **Consumer durables** | 1972 | 1974 | 1976 | 1978 | 1979 | 1981 | 1982 | 1983 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Percentage of households:** | - | - | - | - | - | - | - | - |
| **Central heating** | 33 | 43 | 48 | 52 | 55 | 59 | 60 | 64 |
| **Television** | 93 | 95 | 96 | 96 | 97 | 97 | 97 | 98 |
| **Video** | - | - | - | - | - | - | - | 18 |
| **Vacuum cleaner** | 87 | 89 | 92 | 92 | 93 | 94 | 95 | - |
| **Refrigerator** | 73 | 81 | 88 | 91 | 92 | 93 | 93 | 94 |
| **Washing machine** | 73 | 81 | 88 | 91 | 92 | 93 | 93 | 94 |
| **Dishwasher** | - | - | - | 3 | 3 | 4 | 4 | 5 |
| **Telephone** | 42 | 50 | 54 | 60 | 67 | 75 | 76 | 77 |

**Practice test 94**

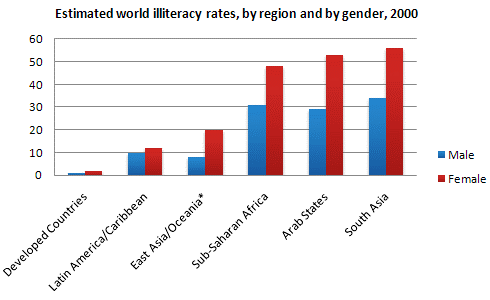
**The table below shows social and economic indicators for four countries in 1994, according to United Nations statistics.**

| **Indicators** | **Canada** | **Japan** | **Peru** | **Zaire** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Annual income per person (in $US) | 11100 | 15760 | 160 | 130 |
| Life expectancy at birth | 76 | 78 | 51 | 47 |
| Daily calorie supply per person | 3326 | 2846 | 1927 | 1749 |
| Adult literacy rate (%) | 99 | 99 | 68 | 34 |

.

**Practice test 96**

**The chart below shows estimated world illiteracy rates by region and by gender for the year 2000.**



**Practice test 97**

**The chart below shows the sleep patterns of people in five different occupations according to a Canadian study.**

| **asleep:** |  | **awake:** |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |

| **Occupation** | **Student** | **Truck Driver** | **Full-time mother** | **Business Executive** | **Doctor** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6-7 pm |  |  |  |  |  |
| 7-8 pm |  |  |  |  |  |
| 8-9 pm |  |  |  |  |  |
| 9-10 pm |  |  |  |  |  |
| 10-11 pm |  |  |  |  |  |
| 11-12 pm |  |  |  |  |  |
| 12-1 am |  |  |  |  |  |
| 1-2 am |  |  |  |  |  |
| 2-3 am |  |  |  |  |  |
| 3-4 am |  |  |  |  |  |
| 4-5 am |  |  |  |  |  |
| 5-6 am |  |  |  |  |  |
| 6-7 am |  |  |  |  |  |
| 7-8 am |  |  |  |  |  |
| 8-9 am |  |  |  |  |  |
| 9-10 am |  |  |  |  |  |
| 10-11 am |  |  |  |  |  |
| 11-12 am |  |  |  |  |  |
| 12-1 pm |  |  |  |  |  |
| 1-2 pm |  |  |  |  |  |
| 2-3 pm |  |  |  |  |  |
| 3-4 pm |  |  |  |  |  |
| 4-5 pm |  |  |  |  |  |
| 5-6 pm |  |  |  |  |  |

**Practice test 98**

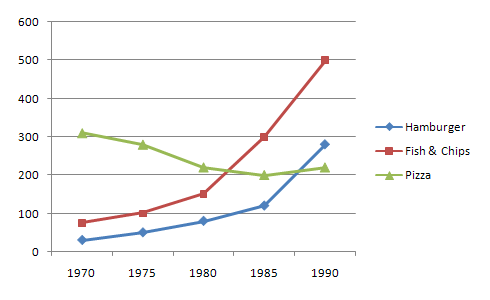
**The chart and graph below give information about sales and share prices for Coca-Cola.**



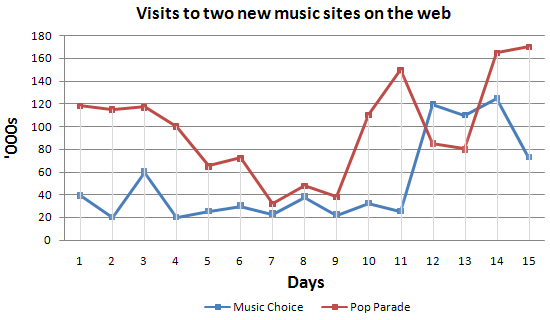
**Practice test 100**

**The chart below shows the amount of money per week spent on fast foods in Britain. The graph shows the trends in consumption of fast foods.**

Fig: (Pence Per Person)



**Practice test 101**

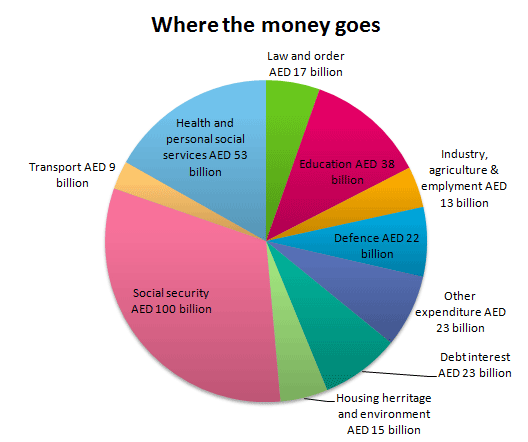


**The graph below compares the number of visits to two new music sites on the web.**

.

**Practice test 101**

**The pie chart gives information on UAE government spending in 2000. The total budget was AED 315 billion.**



**Practice test 102**

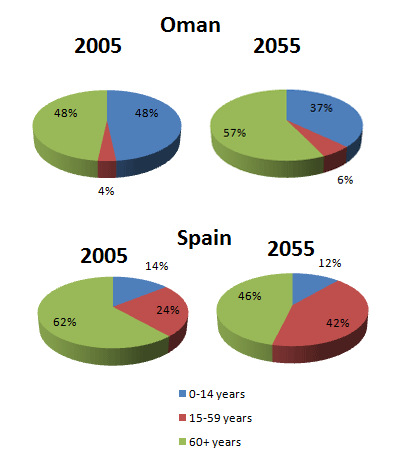
**The table below highlights data on the number of travelers using three major German airports between 2007 and 2012.**

**Airport visitors, 2007-2012 (millions of travelers per year)**

|  | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dusseldorf** | 27.2 | 36.4 | 48.2 | 37.1 | 33.2 | 45.6 |
| **Frankfurt** | 36.5 | 41.9 | 44.4 | 47.3 | 51.1 | 69.3 |
| **Berlin Tegel** | 17.3 | 26.6 | 39.9 | 43.3 | 43.3 | 43.3 |

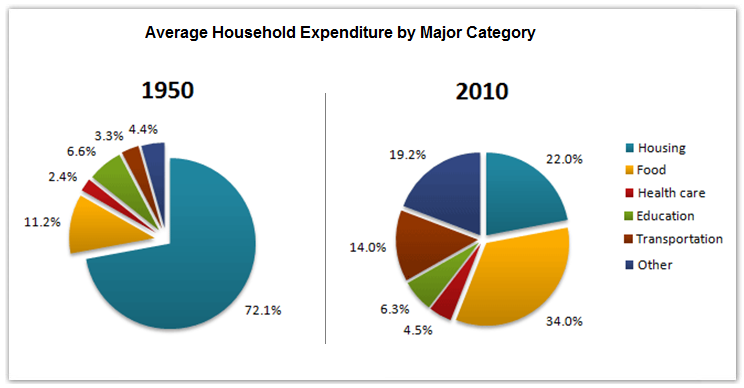
**Practice test 104**

**The pie charts below give information on the ages of the populations of Oman and Spain in 2005 anf projections for 2055.**



**Practice test 105**

***The pie charts below show the average household expenditures in a country in 1950 and 2010.***

**Practice test 106**

***The two graphs show the main sources of energy in the USA in the 1980s and the 1990s***.

